

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
 BẠC: Đại học
 KHOA: <Hóa> (ban hành kèm theo Quyết định số 1586/QĐ-HĐ ngày 27/10/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHN)

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2020

NGÀNH ĐÀO TẠO : <Sư phạm Khoa học tự nhiên> (4 năm)

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
1	212 3 1902	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	0		
2	212 2 1901	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0		
3	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0		
4	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0		
5	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0		
6	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	0	1		
7	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
8	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	0	(1)		
9	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	0	(1)		
10	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	0	(1)		
11	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	0	(1)		
12	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)	0	0	(4t)		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	15	14	0	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH						
13	319 2 2225	Khoa học Trái đất	2	1.5	0.5	0		
14	311 2 1900	Toán cao cấp 1	2	1.5	0.5	0		
15	311 2 2226	Toán cao cấp 2	2	1.5	0.5	0		
16	313 4 2227	Cơ, sóng cơ và thiên văn	4	3	1	0		
17	313 4 2228	Điện và từ	4	3	1	0		
18	313 4 2229	Nhiệt học và quang học	4	3	1	0		
19	313 3 2230	Vật lý trong Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		
20	313 2 2231	Thí nghiệm cơ và điện	2	0	0	2		
21	313 2 2232	Thí nghiệm nhiệt học và quang học	2	0	0	2		
22	314 4 2259	Hóa học Đại cương	4	3	1	0		
23	314 4 2260	Hoá học vô cơ	4	3	1	0	314 4 2259	
24	314 4 2233	Hóa học Hữu cơ	4	3	1	0		
25	314 3 2234	Hóa học trong Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		
26	314 2 2261	Thí nghiệm Hóa Đại cương	2	0	0	2		
27	314 2 2235	Thí nghiệm Hóa vô cơ và hữu cơ	2	0	0	2		
28	315 4 2236	Sinh học Đại cương	4	3	1	0		
29	315 4 2237	Sinh học Động vật	4	3	1	0		
30	315 4 2238	Sinh học Thực vật	4	3	1	0		
31	315 3 2239	Sinh học trong Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		
32	315 2 2240	Thí nghiệm sinh học Động vật	2	0	0	2		
33	315 2 2241	Thí nghiệm sinh học Thực vật	2	0	0	2		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	63	37.5	13.5	12		
		KIẾN THỨC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ NGHIỆP VỤ						
34	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	1.5	0.5	0		
35	320 4 1719	Tâm lý học giáo dục	4	3	1	0		
36	320 3 1255	Giáo dục học	3	2.5	0.5	0		
37	320 2 1273	Giao tiếp sư phạm	2	1	1	0		
38	313 3 2242	Phân tích và phát triển chương trình Khoa học Tự nhiên	3	2.5	0.5	0		
39	314 2 2243	Nhập môn ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên	2	1	1	0		
40	315 3 2244	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	3	2.5	0.5	0		
41	314 3 2245	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		
42	313 2 2246	Kiểm tra đánh giá trong Khoa học tự nhiên	2	1	1	0		
43	314 3 2247	Thực hành dạy học Khoa học tự nhiên (Tập giảng)	3	0	0	3		
44	314 3 2248	Thí nghiệm Khoa học tự nhiên	3	0	0	3		
45	303 2 1361	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2		

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
46	303 4 1843	Thực tập sư phạm	4	0	0	4		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	36	17.0	7.0	12		
		HỌC PHẦN TỰ CHỌN						
47	303 7 1338	Khóa luận tốt nghiệp	7	2	0	5		
48	314 2 2249	Tiếng Anh chuyên ngành KHTN	2	1.5	0.5	0		
49	314 2 2250	Ứng dụng tin học trong dạy học Khoa học Tự nhiên	2	1	0	1		
50	315 2 2251	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học KHTN	2	0	2	0		
51	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	1.5	0.5	0		
52	315 3 2252	Thực hành chế tạo thiết bị dạy học KHTN	3	0	0	3		
53	314 3 2253	Bài tập KHTN ở THCS	3	1	2	0		
54	313 2 2254	Dạy học STEM trong Khoa học tự nhiên	2	1	1	0		
55	314 2 2255	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục KHTN	2	1.5	0.5	0		
56	314 2 2256	Chuyên đề KHTN 1	2	1	1	0		
57	313 2 2257	Chuyên đề KHTN 2	2	1	1	0		
58	315 2 2258	Chuyên đề KHTN 3	2	1	1	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	31	12.5	9.5	9		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA	145	81	30	34		
		Tổng số tín chỉ bắt buộc	114	68.5	20.5	25		
		Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu	16					

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Đức Mạnh



PGS. TS. Lưu Trang



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẬC: Đại học

KHOA: <Hóa> (ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐT ngày / /2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2020

NGÀNH ĐÀO TẠO : <Sư phạm Khoa học tự nhiên> (4 năm)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	320 4 1719	Tâm lý học giáo dục	4	3	1	0		
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	0	1		
	311 2 1900	Toán cao cấp 1	2	1.5	0.5	0		
	314 2 2243	Nhập môn ngành Khoa học tự nhiên	2	1	0	1		
	320 3 1255	Giáo dục học	3	2.5	0.5	0		
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)		(1)		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	13	9	2	2		
2	212 3 1902	Triết học Mác- Lênin	2	1.5	0.5	0		
	311 2 2226	Toán cao cấp 2	2	1.5	0.5	0		
	313 4 2227	Cơ, sóng cơ và thiên văn	4	3	1	0		
	315 4 2236	Sinh học Đại cương	4	3	1	0		
	314 4 2259	Hóa học Đại cương	4	3	1	0		
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)		(1)		
	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	16	12	4	0			
3	212 2 1901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	2	1	0		
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		
	320 2 1273	Giao tiếp sư phạm	2	1	0	1		
	314 4 2260	Hóa học Vô cơ	4	3	1	0	314 4 2259	
	313 4 2228	Điện và từ	4	3	1	0		
	313 2 2231	Thí nghiệm cơ và điện	2	0	0	2		
	314 2 2261	Thí nghiệm Hóa Đại cương	2	0	0	2		
		Học phần tự chọn:						
	314 2 2249	Tiếng anh chuyên ngành KHTN	2	1.5	0.5	0		
	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)		(1)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	21	12.0	4.0	5			
4	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0		
	315 3 2244	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	3	2.5	0.5	0		
	315 4 2238	Sinh học Thực vật	4	3	1	0		
	315 2 2241	Thí nghiệm Sinh học thực vật	2	0	0	2		
	314 2 2235	Thí nghiệm Hóa học vô cơ và hữu cơ	2	0	0	2		
	313 4 2229	Nhiệt học và quang học	4	3	1	0		
	313 2 2232	Thí nghiệm nhiệt học và quang học	2	0	0	2		
		Học phần tự chọn:						
	314 2 2255	Phương pháp nghiên cứu Khoa học giáo dục KHTN	2	1.5	0.5	0		
	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)		(1)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	21	12	4	6			
	212 2 1904	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
	313 3 2242	Phân tích và phát triển chương trình Khoa học tự nhiên	3	2.5	0.5	0		
	314 3 2245	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		



HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
5	315 4 2237	Sinh học động vật	4	3	1	0		
	314 4 2233	Hóa học Hữu cơ	4	3	1	0		
	315 2 2240	Thí nghiệm sinh học động vật	2	0	0	2		
		Học phần tự chọn:						
	314 2 2250	Ứng dụng tin học trong KHTN (tin học CN2)	2	1	0	1		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	20	13	4	3		
6	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0		
	314 3 2248	Thí nghiệm Khoa học tự nhiên	3	0	0	3		
	319 2 2225	Khoa học trái đất	2	1.5	0.5	0		
	313 2 2246	Kiểm tra đánh giá trong dạy học KHTN	2	1	1	0		
	314 3 2247	Thực hành dạy học KHTN (tập giảng)	3	0	0	3		
	315 3 2239	Sinh học trong KHTN	3	2	1	0		
	314 3 2234	Hóa học trong KHTN	3	2	1	0		
		Học phần tự chọn:						
	313 2 2254	Dạy học STEM trong KHTN	2	1	0	1		
	315 2 2251	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học KHTN	2	0	0	2		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	22	9.5	3.5	9		
7	313 3 2230	Vật lý trong KHTN	3	2	1	0		
	320 2 1641	Quản lý Hành chính NN và quản lý giáo dục đào tạo	2	1.5	0.5	0		
	303 2 1361	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2		
		Học phần tự chọn:						
	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	1.5	0.5	0		
	315 3 2252	Thực hành chế tạo thiết bị dạy học KHTN	3	0	0	3		
	314 3 2253	Bài tập KHTN ở THCS	3	1	2	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	15	6	4	5		
8	303 4 1843	Thực tập sư phạm	4	0	0	4		
		Học phần tự chọn:						
	303 7 1338	Khóa luận tốt nghiệp	7	2	0	5		
	314 2 2256	Chuyên đề KHTN 1	2	1	0	1		
	313 2 2257	Chuyên đề KHTN 2	2	1	0	1		
	315 2 2258	Chuyên đề KHTN 3	2	1	0	1		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	17	5	0	12		

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Mạnh



PGS. TS. Lưu Trang